

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẾN TRE
NĂM HỌC: 2024-2025

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm các bài thi				Tổng điểm (môn chuyên HS 2)	Đỗ vào lớp chuyên	Ghi chú
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)	Môn chuyên			
01	360002	Nguyễn Minh Duy	Anh	20/06/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	08.00	09.00	09.50	07.75	42.00	Toán	
02	360004	Huỳnh Phan Minh	Anh	18/05/2009	tỉnh Tiền Giang	Nữ	THCS Thới Lai	07.00	09.00	10.00	07.00	40.00	Toán	
03	360006	Đặng Hồ Phương	Anh	07/04/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Vĩnh Phúc	08.00	07.25	10.00	07.25	39.75	Toán	
04	360008	Phạm Quỳnh	Anh	29/06/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Phạm Việt Chánh	07.50	09.00	08.75	07.00	39.25	Toán	
05	360009	Trịnh Thùy Tú	Anh	14/08/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	07.75	09.25	10.00	07.75	42.50	Toán	
06	360010	Thái Vũ	Bảo	03/04/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Phước Ngãi	07.00	09.25	10.00	06.00	38.25	Toán	
07	360013	Nguyễn Hồng Ngọc	Châu	21/10/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Mỹ Hóa	07.00	09.00	10.00	06.75	39.50	Toán	
08	360014	Phạm Ngọc	Châu	03/10/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Lê Hoàng Chiêu	07.50	08.50	09.50	06.00	37.50	Toán	
09	360017	Nguyễn Quang	Chương	25/12/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	07.00	09.00	09.75	08.00	41.75	Toán	
10	360021	Võ Thị Kim	Duyên	13/05/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Tân Lợi Thạnh	07.50	08.50	10.00	06.00	38.00	Toán	
11	360022	Bùi Đăng	Dương	23/03/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	PT Hermann Gmeiner Bến Tre	07.75	08.75	09.80	06.50	39.30	Toán	
12	360024	Nguyễn Tiến	Đạt	27/05/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Vĩnh Phúc	07.00	08.75	09.60	07.00	39.35	Toán	
13	360028	Nguyễn Hoàng Anh	Đức	20/09/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Phú Túc	07.00	08.25	09.50	09.25	43.25	Toán	
14	360040	Phạm Thị Thủy	Hồng	03/05/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	08.50	08.75	08.75	06.25	38.50	Toán	
15	360042	Phan Thị Thùy	Hương	20/12/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Hoàng Lam	08.25	09.25	10.00	06.75	41.00	Toán	
16	360044	Võ Trung	Kiên	25/12/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	07.50	09.00	09.50	07.50	41.00	Toán	
17	360045	Nguyễn Giang Thiên	Kim	29/03/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Mỹ Hóa	07.25	07.75	10.00	07.00	39.00	Toán	
18	360049	Phạm Quốc	Khánh	29/08/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	08.50	06.75	09.50	08.00	40.75	Toán	
19	360050	Huỳnh Anh	Khoa	30/07/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	THCS Lê Hoàng Chiêu	08.25	09.00	09.75	08.50	44.00	Toán	
20	360052	Nguyễn Phan Anh	Khoa	21/07/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	08.25	08.75	10.00	07.50	42.00	Toán	
21	360053	Trương Đăng	Khoa	01/08/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	PT Hermann Gmeiner Bến Tre	07.75	09.50	10.00	07.50	42.25	Toán	
22	360059	Văn Hồ Tuệ	Linh	13/01/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	08.50	08.75	09.05	06.25	38.80	Toán	
23	360065	Nguyễn Bảo	Nam	07/06/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	07.75	08.50	09.80	06.25	38.55	Toán	
24	360069	Hồ Nguyễn Bảo	Nguyễn	15/11/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	09.00	09.25	09.75	05.75	39.50	Toán	
25	360070	Phùng Đình	Nguyễn	01/08/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Vĩnh Phúc	09.00	09.25	09.50	09.00	45.75	Toán	
26	360071	Mai Thanh	Như	02/03/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Mỹ Hóa	08.25	09.00	09.05	05.75	37.80	Toán	
27	360075	Hồ Gia	Phúc	29/11/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Vĩnh Thành	06.00	08.75	09.50	07.50	39.25	Toán	
28	360077	Trương Thảo	Phương	10/04/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Nguyễn Thị Hai	08.75	08.75	09.60	05.75	38.60	Toán	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm các bài thi				Tổng điểm (môn chuyên HS 2)	Đỗ vào lớp chuyên	Ghi chú
								Ngữ văn (chung)	Tiếng Anh (chung)	Toán (chung)	Môn chuyên			
29	360079	Trần Lê	Quân	17/02/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thuận Điền	05.83	08.50	09.80	07.75	39.63	Toán	
30	360083	Hồ Ngọc Bảo	Quyên	06/02/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Mỹ Hòa	08.25	08.75	08.75	06.25	38.25	Toán	
31	360084	Lê Trinh Đông	Quỳnh	30/11/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	09.00	08.50	09.50	07.00	41.00	Toán	
32	360085	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/03/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	07.75	09.00	09.25	08.50	43.00	Toán	
33	360087	Nguyễn Bảo	Toàn	18/03/2009	tỉnh Cần Thơ	Nam	THCS Nguyễn Thị Hai	08.50	09.00	09.25	06.50	39.75	Toán	
34	360089	Nguyễn Thái	Tuấn	19/01/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	08.75	08.50	09.50	05.75	38.25	Toán	
35	360091	Đoàn Xuân	Tỳ	24/02/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	07.50	09.00	09.50	06.00	38.00	Toán	
36	360097	Trần Lê Quốc	Thịnh	26/06/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Hoàng Lam	08.00	08.25	10.00	06.00	38.25	Toán	
37	360098	Phùng Quốc	Thịnh	12/05/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Tân Thạch	07.50	09.50	09.30	05.75	37.80	Toán	
38	360102	Nguyễn Ngọc An	Thư	27/09/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	07.50	08.75	09.80	06.25	38.55	Toán	
39	360103	La Nguyễn Anh	Thư	29/11/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thạnh Trị	08.00	08.25	10.00	09.00	44.25	Toán	
40	360105	Mai Minh	Thư	20/01/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Tân Phú	07.25	09.50	10.00	06.00	38.75	Toán	
41	360107	Đinh Thị Bích	Trâm	12/02/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	THCS Lê Hồng	07.75	08.75	09.50	06.75	39.50	Toán	
42	360109	Lê Thanh	Trúc	07/12/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	07.75	08.75	09.50	05.75	37.50	Toán	
43	360113	Nguyễn Khả	Vinh	02/06/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	08.50	09.50	09.00	07.25	41.50	Toán	
44	360114	Trần Huỳnh Khánh	Vy	30/06/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	07.25	09.25	09.50	06.75	39.50	Toán	
45	360116	Nguyễn Lê Tường	Vy	07/10/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	08.25	09.25	09.25	06.00	38.75	Toán	
46	360117	Nguyễn Thảo	Vy	23/11/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	08.75	09.50	09.25	06.00	39.50	Toán	
47	360118	Trần Nguyễn Bình	An	22/04/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Tam Phước	07.50	06.75	08.85	06.75	36.60	Vật Lý	
48	360120	Võ Duy	Bảo	02/01/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	07.50	08.00	09.50	06.75	38.50	Vật Lý	
49	360123	Võ Trương Kỳ	Duyên	05/08/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	07.25	08.25	09.60	08.00	41.10	Vật Lý	
50	360125	Nguyễn Thành	Đạt	09/05/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	THCS Sơn Đông	05.75	08.00	09.50	07.25	37.75	Vật Lý	
51	360126	Nguyễn Huỳnh Hải	Đăng	05/03/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Phú Hưng	07.75	08.75	10.00	09.00	44.50	Vật Lý	
52	360128	Nguyễn Hữu	Hòa	13/01/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Huỳnh Tấn Phát	05.75	08.00	09.75	07.50	38.50	Vật Lý	
53	360131	Trần Khang	Huy	24/07/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	08.00	08.75	09.30	07.50	41.05	Vật Lý	
54	360133	Đoàn Chấn	Hưng	17/12/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	07.25	07.50	09.60	07.50	39.35	Vật Lý	
55	360134	Trần Quốc	Hưng	27/08/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	06.25	07.50	10.00	08.25	40.25	Vật Lý	
56	360135	Nguyễn Tấn	Hưng	25/08/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	07.50	08.00	10.00	05.25	36.00	Vật Lý	
57	360138	Hồ Tuấn	Khải	02/11/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Mỹ Hòa	05.75	07.00	09.75	06.25	35.00	Vật Lý	
58	360139	Lê Anh	Khoa	06/04/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	07.25	07.75	10.00	05.00	35.00	Vật Lý	
59	360140	Nguyễn Thiện Anh	Khoa	01/01/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	THCS Lê Hoàng Chiêu	06.00	08.75	09.15	05.75	35.40	Vật Lý	
60	360146	Trần Quang	Lý	06/03/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS An Hiệp	07.00	07.50	09.05	08.00	39.55	Vật Lý	
61	360147	Trần Thị Xuân	Mai	20/06/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Lương Quới	07.50	08.50	09.25	05.25	35.75	Vật Lý	
62	360148	Tổng Hoàng	Minh	12/06/2009	tỉnh Bến Tre	Nam	THCS Tam Phước	09.00	07.00	09.25	06.75	38.75	Vật Lý	
63	360150	Lê Phạm Gia	Ngân	02/01/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	06.75	08.00	08.75	05.75	35.00	Vật Lý	
64	360151	Trần Lê Quỳnh	Nghi	14/12/2009	tỉnh Bến Tre	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	07.75	09.25	10.00	05.75	38.50	Vật Lý	